

ỦY BAN DÂN TỘC

Số: 612/QĐ-UBDT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**PHÊ DUYỆT DANH SÁCH CÁC THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI
ĐOẠN 2021 - 2025**

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN DÂN TỘC

Căn cứ Nghị định [13/2017/NĐ-CP](#) ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;

Căn cứ Quyết định số [33/2020/QĐ-TTg](#) ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Dân tộc.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách 13.222 thôn đặc biệt khó khăn, bao gồm: 11.179 thôn của xã khu vực III; 736 thôn của xã khu vực II, 1.184 thôn của xã khu vực I và 123 thôn của các xã có thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn 41 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (danh sách kèm theo).

Điều 2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có chia tách, sáp nhập, giải thể hoặc đổi tên, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành chức năng rà soát, xác định theo tiêu chí và lập hồ sơ theo quy định tại Quyết định số [33/2020/QĐ-TTg](#) ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ gửi Ủy ban Dân tộc tổng hợp, thẩm định và quyết định điều chỉnh, bổ sung.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số [433/QĐ-UBDT](#) ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về Phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

Điều 4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các Vụ, đơn vị của UBDT;
- Lưu: VT, CSDT.

Hầu A Lệnh

(Kèm theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

TT	Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Số thôn đặc biệt khó khăn	Ghi chú
	Tổng cộng	13,222	
	Thuộc xã có thôn DTTS&MN	123	
	Thuộc xã khu vực I	1,184	
	Thuộc xã khu vực II	736	
	Thuộc xã khu vực III	11,179	
1	Quảng Ninh	12	
	Thuộc xã có thôn DTTS&MN	0	
	Thuộc xã khu vực I	12	
	Thuộc xã khu vực II	0	
	Thuộc xã khu vực III	0	
2	Hà Giang	1,353	
	Thuộc xã có thôn DTTS&MN	0	
	Thuộc xã khu vực I	46	
	Thuộc xã khu vực II	35	
	Thuộc xã khu vực III	1272	
3	Cao Bằng	996	
	Thuộc xã có thôn DTTS&MN	0	
	Thuộc xã khu vực I	28	
	Thuộc xã khu vực II	19	
	Thuộc xã khu vực III	949	
4	Bắc Kạn	648	
	Thuộc xã có thôn DTTS&MN	0	
	Thuộc xã khu vực I	35	
	Thuộc xã khu vực II	30	
	Thuộc xã khu vực III	583	
5	Tuyên Quang	570	
	Thuộc xã có thôn DTTS&MN	1	
	Thuộc xã khu vực I	56	
	Thuộc xã khu vực II	63	
	Thuộc xã khu vực III	450	
6	Lào Cai	605	
	Thuộc xã có thôn DTTS&MN	3	
	Thuộc xã khu vực I	103	
	Thuộc xã khu vực II	24	

	Thuộc xã khu vực III	475	
7	Yên Bái	382	
	Thuộc xã có thôn DTTS&MN	0	
	Thuộc xã khu vực I	30	
	Thuộc xã khu vực II	25	
	Thuộc xã khu vực III	327	
8	Thái Nguyên	142	
	Thuộc xã có thôn DTTS&MN	1	
	Thuộc xã khu vực I	22	
	Thuộc xã khu vực II	27	
	Thuộc xã khu vực III	92	
9	Lạng Sơn	644	
	Thuộc xã có thôn DTTS&MN	0	
	Thuộc xã khu vực I	84	
	Thuộc xã khu vực II	24	
	Thuộc xã khu vực III	536	
10	Bắc Giang	244	
	Thuộc xã có thôn DTTS&MN	0	
	Thuộc xã khu vực I	25	
	Thuộc xã khu vực II	41	
	Thuộc xã khu vực III	178	
11	Phú Thọ	240	
	Thuộc xã có thôn DTTS&MN	4	
	Thuộc xã khu vực I	37	
	Thuộc xã khu vực II	29	
	Thuộc xã khu vực III	170	
12	Điện Biên	954	
	Thuộc xã có thôn DTTS&MN	0	
	Thuộc xã khu vực I	37	
	Thuộc xã khu vực II	20	
	Thuộc xã khu vực III	897	
13	Lai Châu	559	
	Thuộc xã có thôn DTTS&MN	0	
	Thuộc xã khu vực I	87	
	Thuộc xã khu vực II	14	
	Thuộc xã khu vực III	458	
14	Sơn La	1,449	
	Thuộc xã có thôn DTTS&MN	0	
	Thuộc xã khu vực I	66	

	Thuộc xã khu vực II	38
	Thuộc xã khu vực III	1345
15	Hòa Bình	507
	Thuộc xã có thôn DTTS&MN	0
	Thuộc xã khu vực I	38
	Thuộc xã khu vực II	48
	Thuộc xã khu vực III	421
16	Thanh Hóa	318
	Thuộc xã có thôn DTTS&MN	1
	Thuộc xã khu vực I	101
	Thuộc xã khu vực II	84
	Thuộc xã khu vực III	132
17	Nghệ An	588
	Thuộc xã có thôn DTTS&MN	6
	Thuộc xã khu vực I	32
	Thuộc xã khu vực II	0
	Thuộc xã khu vực III	550
18	Hà Tĩnh	2
	Thuộc xã có thôn DTTS&MN	2
	Thuộc xã khu vực I	0
	Thuộc xã khu vực II	0
	Thuộc xã khu vực III	0
19	Quảng Bình	102
	Thuộc xã có thôn DTTS&MN	3
	Thuộc xã khu vực I	0
	Thuộc xã khu vực II	5
	Thuộc xã khu vực III	94
20	Quảng Trị	187
	Thuộc xã có thôn DTTS&MN	9
	Thuộc xã khu vực I	3
	Thuộc xã khu vực II	4
	Thuộc xã khu vực III	171
21	Thừa Thiên Huế	71
	Thuộc xã có thôn DTTS&MN	1
	Thuộc xã khu vực I	2
	Thuộc xã khu vực II	2
	Thuộc xã khu vực III	66
22	Quảng Nam	230
	Thuộc xã có thôn DTTS&MN	2

	Thuộc xã khu vực I	6	
	Thuộc xã khu vực II	11	
	Thuộc xã khu vực III	211	
23	Quảng Ngãi	241	
	Thuộc xã có thôn DTTS&MN	2	
	Thuộc xã khu vực I	1	
	Thuộc xã khu vực II	3	
	Thuộc xã khu vực III	235	
24	Bình Định	116	
	Thuộc xã có thôn DTTS&MN	7	
	Thuộc xã khu vực I	0	
	Thuộc xã khu vực II	0	
	Thuộc xã khu vực III	109	
25	Phú Yên	70	
	Thuộc xã có thôn DTTS&MN	3	
	Thuộc xã khu vực I	5	
	Thuộc xã khu vực II	2	
	Thuộc xã khu vực III	60	
26	Khánh Hòa	66	
	Thuộc xã có thôn DTTS&MN	2	
	Thuộc xã khu vực I	2	
	Thuộc xã khu vực II	6	
	Thuộc xã khu vực III	56	
27	Ninh Thuận	71	
	Thuộc xã có thôn DTTS&MN	4	
	Thuộc xã khu vực I	4	
	Thuộc xã khu vực II	2	
	Thuộc xã khu vực III	61	
28	Bình Thuận	10	
	Thuộc xã có thôn DTTS&MN	0	
	Thuộc xã khu vực I	7	
	Thuộc xã khu vực II	3	
	Thuộc xã khu vực III		
29	Kon Tum	371	
	Thuộc xã có thôn DTTS&MN	1	
	Thuộc xã khu vực I	23	
	Thuộc xã khu vực II	17	
	Thuộc xã khu vực III	330	
30	Gia Lai	384	

	Thuộc xã có thôn DTTS&MN	9
	Thuộc xã khu vực I	89
	Thuộc xã khu vực II	105
	Thuộc xã khu vực III	181
31	Đắk Lắk	519
	Thuộc xã có thôn DTTS&MN	5
	Thuộc xã khu vực I	50
	Thuộc xã khu vực II	29
	Thuộc xã khu vực III	435
32	Đắk Nông	143
	Thuộc xã có thôn DTTS&MN	5
	Thuộc xã khu vực I	21
	Thuộc xã khu vực II	14
	Thuộc xã khu vực III	103
33	Lâm Đồng	72
	Thuộc xã có thôn DTTS&MN	0
	Thuộc xã khu vực I	46
	Thuộc xã khu vực II	3
	Thuộc xã khu vực III	23
34	Bình Phước	46
	Thuộc xã có thôn DTTS&MN	4
	Thuộc xã khu vực I	13
	Thuộc xã khu vực II	8
	Thuộc xã khu vực III	21
35	Trà Vinh	58
	Thuộc xã có thôn DTTS&MN	
	Thuộc xã khu vực I	10
	Thuộc xã khu vực II	
	Thuộc xã khu vực III	48
36	Vĩnh Long	4
	Thuộc xã có thôn DTTS&MN	
	Thuộc xã khu vực I	4
	Thuộc xã khu vực II	
	Thuộc xã khu vực III	
37	An Giang	34
	Thuộc xã có thôn DTTS&MN	2
	Thuộc xã khu vực I	8
	Thuộc xã khu vực II	0
	Thuộc xã khu vực III	24

38	Kiên Giang	15
	Thuộc xã có thôn DTTS&MN	2
	Thuộc xã khu vực I	7
	Thuộc xã khu vực II	1
	Thuộc xã khu vực III	5
39	Hậu Giang	6
	Thuộc xã có thôn DTTS&MN	
	Thuộc xã khu vực I	
	Thuộc xã khu vực II	
	Thuộc xã khu vực III	6
40	Sóc Trăng	128
	Thuộc xã có thôn DTTS&MN	1
	Thuộc xã khu vực I	44
	Thuộc xã khu vực II	
	Thuộc xã khu vực III	83
41	Cà Mau	65
	Thuộc xã có thôn DTTS&MN	43
	Thuộc xã khu vực I	
	Thuộc xã khu vực II	
	Thuộc xã khu vực III	22

Văn bản này có file đính kèm, bạn phải tải Văn bản về để xem toàn bộ nội dung.

[Tải về](#)